

(Ban hành kèm theo Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở)
(Issued in association with Circular 183/2011/TT-BTC dated 16 Dec 2011 guiding establishment and management of the Open-Ended Fund)

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ
REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE, TRADING OF FUND CERTIFICATE

Từ ngày 16 tháng 4 năm 2019 đến ngày 22 tháng 4 năm 2019/ From 16 Apr 2019 to 22 Apr 2019

Tên Công ty quản lý quỹ:
Fund Management Company:
Tên ngân hàng giám sát:
Supervising bank:
Tên Quỹ:
Fund name:
Ngày lập báo cáo:
Reporting Date:

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Kỹ Thương
Techcom Capital Joint Stock Company
Ngân hàng TNHH một thành viên Standard Chartered (Việt Nam)
Standard Chartered Bank (Vietnam) Ltd.
Quỹ đầu tư Cổ Phiếu Techcom
Techcom Equity Fund
Ngày 23 tháng 4 năm 2019
23 Apr 2019

STT No	Nội dung Item	Mã số Code	Kỳ báo cáo ngày 22 tháng 4 năm 2019 For the period ended 22 Apr 2019	Kỳ báo cáo ngày 15 tháng 4 năm 2019 For the period ended 15 Apr 2019
I	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở (NAV) đầu kỳ <i>Net Asset Value (NAV) at the beginning of period</i>	4060	216,211,323,743	223,461,865,143
II	Thay đổi NAV so với kỳ trước (= II.1 + II.2), trong đó: <i>Change of NAV during the period (= II.1 + II.2), of which:</i>	4061	(1,715,703,183)	(597,939,856)
II.1	Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của Quỹ mở trong kỳ <i>Changes of NAV due to market fluctuation and the fund's investment during the period</i>	4062	(1,715,703,183)	(597,939,856)
II.2	Thay đổi NAV do phân chia Lợi nhuận/Tài sản của Quỹ mở cho Nhà đầu tư trong kỳ <i>Change of NAV due to profit distribution to investors during the period</i>	4063	-	-
III	Thay đổi NAV do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ quỹ (= III.1 + III.2) <i>Change of NAV due to redemption, subscription of Fund Certificate (= III.1 + III.2)</i>	4064	(3,511,324,556)	(6,652,601,544)
III.1	Khoản thu từ việc phát hành bổ sung Chứng chỉ quỹ <i>Increase from Subscription of Fund Certificate</i>	4065	350,600,000	393,569,525
III.2	Khoản thanh toán từ việc mua lại Chứng chỉ quỹ <i>Decrease from Redemption of Fund Certificate</i>	4066	(3,861,924,556)	(7,046,171,069)
IV	Giá trị tài sản ròng của Quỹ mở cuối kỳ (= I + II + III) <i>NAV at the end of period (= I + II + III)</i>	4067	210,984,296,004	216,211,323,743

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát
Authorised Representative of Supervisory Bank

Đại diện có thẩm quyền của Công ty quản lý Quỹ
Authorised Representative of Fund Management Company